TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 144/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

-*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Hiển
Bà Nguyễn Thị Chấn.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Thư ký TAND huyện K.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 514/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp *"*Xin ly hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ông Ngô Quang T,** sinh năm 1970, nghề nghiệp: Tự do; Nơi cư trú: Số nhà 36; ngõ xx/17/15 đường T, thị trấn V, huyện K, thành phố Hà Nội. "Có mặt"

- *Bị đơn:* **Bà Tạ Thị H,** sinh năm 1966; Nơi cư trú: Số nhà 36; ngõ xx/17/15 đường T, thị trấn V, huyện K, thành phố Hà Nội. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2023, các lời khai tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử, ông Ngô Quang T trình bày:

Về tình cảm: Tôi và bà Tạ Thị H, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Số nhà 36; ngõ xx/17/15 đường T, thị trấn V, huyện K, thành phố Hà Nội kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/11/1995 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn S, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 10/3/2022 âm lịch thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, còn trước đó có mâu thuẫn về việc bà H đối xử với nhà tôi tệ bạc, do nhà tôi nghèo hơn nhà bà H, nhà cửa của vợ chồng là do bên nhà bà H cho tiền, nên bà H coi th gia đình tôi, tôi càng nhịn thì bà H càng lên nước, bà H rất ghê gớm, mặc dù khi mua đất làm nhà vợ chồng tôi vay bên ngoại đều trả lãi, nhưng khi gia đình tôi đến chơi thì bà H đuổi. Đó là những thứ tôi phải chịu đựng, nhưng đến ngày 11/3/2023 ngày báo hỷ con trai tôi, con trai tôi nghe bà H mà hỗn láo với tôi thì đó là giọt nước tràn ly, tôi không thể tiếp tục chung sống với bà H được nữa, tôi đã bỏ ra khỏi nhà, lúc thì tôi ở nhà mẹ đẻ tôi tại thị trấn S, lúc thì tôi về quê nội ở Phụng Công, Văn Giang,

Hưng Yên ở. Sau khi ly hôn tôi sẽ về quê nội sinh sống. Từ khi tôi ly thân với bà H thì nhiều lần vợ chồng tôi cũng bàn đến chuyện ly hôn, bà H bảo tôi sang tên nhà đất cho con xong thì ly hôn, tôi cũng đã sang tên nhà đất cho con trai tôi xong để vợ chồng đồng thuận ly hôn thì bà H lại không chịu ký đơn cho tôi ly hôn. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Tôi và bà H có 02 con chung là cháu Ngô Mạnh C, sinh năm 1997 và cháu Ngô Đức J, sinh năm 2005; hai cháu đều đã khôn lớn trưởng thành đủ 18 tuổi nên khi ly hôn các cháu ở với ai tự do các cháu quyết định, tôi không đề nghị Tòa án xem xét việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn bà Tạ Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai trong trong quá trình chuẩn bị xét xử như sau: Tôi và ông Ngô Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/10/2019 tại UBND thị trấn S, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống tại địa chỉ số nhà 36 ngõ xx/17/15 T, thị trấn V, huyện K, thành phố Hà Nội. Đến ngày 12/3/2022 (âm lịch) ông T tự bỏ nhà đi. Sau này tôi mới biết là có mối quan hệ khác bên ngoài. Tôi và gia đình nhà chồng có khuyên bảo quay về nhưng ông T nhất định không về cho đến nay. Hiện tại, tôi và ông T sống ly thân, không ở cùng nhà. Tuy nhiên, tôi vẫn mong muốn ông T suy nghĩ lại và quay về với con với cháu. Nay, ông T có nộp đơn xin ly hôn đơn phương với tôi, quan điểm của tôi là không muốn ly hôn mà ông T muốn đi đâu cũng được, tôi muốn giữ cho các con có gia đình trọn vẹn.

Về con chung vợ chồng: Tôi và ông T có 02 con chung là cháu Ngô Mạnh C, sinh năm 1997 và cháu Ngô Đức J, sinh năm 2005; hai cháu đều đã khôn lớn trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện tại cả 02 con đều ở với tôi. Cháu lớn đã lập gia đình, cháu bé còn đang đi học. Tiền học và sinh hoạt phí của cháu đều do tôi lo liệu cho cháu.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Tôi và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện K thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng; Nguyên đơn chấp hành pháp luật; bị đơn không chấp hành pháp luật.

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, Luật HNGĐ năm 2014:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Ngô Quang T. Ông T được ly hôn với bà H

+ Về con chung: Các con đều đã khôn lớn trưởng thành đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Vụ án thụ lý từ ngày 29/12/2023, nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th vụ Quốc hội để giải quyết. Ông T là người chị án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nhận định về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do ông T có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Về thẩm quyền loại việc, Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS. Bà H là bị đơn có đăng ký hộ khẩu th trú và nơi cư trú tại số nhà 36 ngõ xx/17/15 T, thị trấn V, huyện K, thành phố Hà Nội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và cấp Tòa án.

[2]. Nhận định về việc xét xử vắng mặt bà Tạ Thị H: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay bà H vắng mặt lần thứ 2 không lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt bà Tạ Thị H là có căn cứ.

[3]. Nhận định về tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng: Ông Ngô Quang T và bà Tạ Thị H đăng ký kết hôn ngày 31/10/2019 tại UBND thị trấn S, thành phố Hà Nội, có xuất trình giấy chứng nhận kết hôn bản chính, đủ cơ sở kết luận đây là hôn nhân hợp pháp.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Tại quá trình chuẩn bị xét xử ông T và bà H cùng trình bày ngày 11, 12/3/2022 âm lịch tức ngày 11, 12/4/2022 dương lịch, ông T bà H mâu thuẫn trầm trọng, ông T ra khỏi nhà, vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Lời khai của hai ông bà thống nhất, phù hợp với chính quyền địa phương cung cấp nên có căn cứ xác định ông T bà H sống ly thân nhau từ tháng 4/2022 đến nay. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng ông T và bà H đã vi phạm các nghĩa vụ trên, cuộc sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cho ông T được ly hôn với bà H là có căn cứ.

[4]. Nhận định về con chung vợ chồng: Ông Ngô Quang T và bà Tạ Thị H có 02 con chung là anh Ngô Mạnh C, sinh năm 1997 và anh Ngô Đức J, sinh năm 2005, đều đã đủ 18 tuổi, ông T và bà H không yêu cầu Tòa án xem xét việc nuôi con, HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Nhận định về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Ông T bà H không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Nhận định về án phí ly hôn sơ thẩm: Yêu cầu xin ly hôn của ông T được chấp nhận, ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban th vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 271, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban th vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ngô Quang T đối với bà Tạ Thị H. Xử cho ông Ngô Quang T được ly hôn với bà Tạ Thị H.

2. Về con chung: Ông Ngô Quang T và bà Tạ Thị H có 02 con chung là anh Ngô Mạnh C, sinh ngày 9/6/1997 và anh Ngô Đức J, sinh ngày 15/3/2005. Các con chung đã đủ 18 tuổi. Ông T bà H không yêu cầu xem xét việc nuôi con, HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Ông Ngô Quang T bà Tạ Thị H không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Ngô Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ông T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0003899 ngày 28/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nay chuyển thành án phí ly hôn.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho ông Ngô Quang T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Tạ Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDTP. Hà Nội;
- VKSNDTP Hà Nội;
- VKSND h. K;
- Chi cục THADS h. K;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;
- UBND TT S, huyện S, thành phố Hà Nội (ĐKKH số 89 quyển số 01, ngày 13/11/1995).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thiên Hương